

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 22/2021/ HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2021

V/v: “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Long Văn Hoàng.
2. Lưu Đức Mạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai
tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thảo D.

Địa chỉ: Thôn P, xã Cao Sơn, huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cư S.

Địa chỉ: Thôn P, xã Cao Sơn, huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người phiên dịch: Anh Giàng Seo Áo; Địa chỉ: tổ dân phố Phố Cũ, Thị trấn Muờng Khương, huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI D V U Á N

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2021 và bản tự khai ngày 28 tháng 7 năm 2021 nguyên đơn chị Thảo D trình bày: Chị và anh Cư S lấy nhau theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2017 và đến ngày 7/10/2020 mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Sơn huyện

Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Sau khi cõng nhau về thời gian đầu sống hoà thuận hạnh phúc. Đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Cừ S thường xuyên uống rượu đe dọa chửi bới bố mẹ chị, dọa giết chị. Chị Thảo D đã bỏ về bố mẹ đẻ từ tháng 6/2021 ở thôn Sả Lùng Chéng, xã Cao Sơn từ đó đến nay. Chị Thảo D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Cừ S được ly hôn.

Về con: Trước khi lấy nhau chị và anh Cừ S không ai có con riêng vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi lấy nhau về chị và anh Cừ S sinh được một người con chung là Cừ Chúng K sinh ngày 15/4/2018, nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Cừ S thì chị sẽ nhường quyền cho anh Cừ S chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K đến tuổi trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu K.

Về tài sản: Trước khi kết hôn chị và anh Cừ S không có tài sản riêng gì vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung chị và anh Cừ S không có tài sản chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Chị và anh Cừ S không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 8 năm 2021 bị đơn là anh Cừ S trình bày: Anh và chị Thảo D lấy nhau năm 2017 và đến ngày 7/10/2020 mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã dân xã Cao Sơn, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. từ khi lấy nhau về không có mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng chị D hay về nhà bố mẹ đẻ ở. đến tháng 6 năm 2021 thì chị D đi cách ly y tế, khi cách ly xong không về nhà mà ở nhà bố mẹ đẻ. Đến nay chị Thảo D làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị D vì anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn mong Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Nếu chị D mà cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con: Trong thời gian chung sống anh, chị không ai có con riêng mà sau khi lấy nhau về sinh được một người con chung là Cừ Chúng K sinh ngày 15/04/2018. Nguyện vọng của anh nếu chị D mà cương quyết ly hôn thì anh sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu K.

Về tài sản và công nợ : Anh và chị không có tài sản chung, công nợ không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản Hòa giải ngày 17/8/2021 và biên bản hòa giải ngày 31/8/2021 về quan hệ hôn nhân anh chị không thỏa thuận được chị D cương quyết xin ly hôn còn anh Cừ S xét thấy tình cảm vẫn còn với chị D mong Tòa án hòa giải để anh chị trở về đoàn tụ xây dựng cuộc sống gia đình nuôi dạy con chung. Tại biên bản hòa giải ngày 31/8/2021 chị D và anh Cừ S đã thỏa thuận giao cháu Cừ Chúng K sinh ngày 15/4/2018 cho anh Cừ S chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục

đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu K. Nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+, Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Chị Thảo D và anh Cư S xác lập hôn nhân vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn vào ngày 7/10/2020. Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần vì vậy căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có con riêng vì vậy không xem xét giải quyết.

Con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Thảo D và anh Cư S giao cháu Cư Chúng K sinh ngày 15/4/2018 cho anh Cư S trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị Thảo D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu K. Nên áp dụng khoản 1,2 điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Cư S theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự, và Tòa án đã tiến hành thông báo hòa giải về phần quan hệ hôn nhân, con chung để giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thảo D và anh Cư S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017 và đi đăng ký kết hôn vào ngày 7/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Cao Sơn, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tại các biên bản hòa giải ngày 17/8/2021, ngày 31/8/2021 anh Cư S không nhất trí ly hôn với chị D. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng

anh chị không đoàn tụ được vì vậy căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết là phù hợp.

[3]. Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai con riêng vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

Con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Thảo D và anh Cư S giao cháu Cư Chúng K, sinh ngày 15/4/2018 cho anh Cư S trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Thảo D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu K. Nên áp dụng khoản 1,2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị D và anh Cư S không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về khoản nợ: Chị D và anh Cư S không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Thảo D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Xử:

Về hôn nhân: Chị Thảo D được ly hôn anh Cư S.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về con: Giao cháu Cư Chúng K, sinh ngày 15/4/2018 cho anh Cư S trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) chị Thảo D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu K. Chị Thảo D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Thảo D thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị Thảo D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu AC-21P số 0006413 ngày 27/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Chị Thảo D và anh Cư S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Ủy ban nhân dân xã Cao sơn;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hải Quân